

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2020/DS-PT;
Ngày: 08/7/2020;
V/v Tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn;

Các Thẩm phán: - Ông Lê Hoàng Hiệp;

- Bà Lưu Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Minh, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 243/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2020/QĐXX-PT ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1959;

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1969;

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Theo hợp đồng ủy quyền được lập tại Phòng Công chứng số 2, tỉnh Tiền Giang, số công chứng 3930, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/8/2019.

2. Bị đơn: Chị Võ Mộng C, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông Dương Thế L, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Phòng 301, tầng 3, tòa nhà WMC 102 A- B – C, đường C, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo giấy ủy quyền được lập tại Văn phòng Công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 011486, quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/7/2019.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Võ Văn T1, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.2 Ông Phan Văn T2, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.3 Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Võ Mộng C;

(Có mặt bà Nguyễn Thị Tuyết M và bà Võ Mộng C)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

- *Nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:*

Ngày 06/7/2018, chị C có vay của bà 02 lần: Lần đầu là số tiền 600.000.000 đồng, lần sau là số tiền 300.000.000 đồng, mỗi lần đều làm giấy nợ, chữ viết là của bà, chữ ký tên và ghi họ tên Võ Mộng C là của chị C. Khi vay hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 3%/tháng, trả lãi hàng tháng, không thỏa thuận thời gian trả vốn gốc. Chị C đã trả lãi cho bà được 03 tháng tiền lãi thì ngưng luôn, không trả được khoản tiền vốn lãi nào cho đến nay.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Võ Mộng C trả cho bà số tiền là 900.000.000 đồng, làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Đối với ý kiến của anh Phan Văn T2 cho rằng chị C vay số tiền trên của bà để cho chị L vay lại nên yêu cầu chị L có nghĩa vụ trả nợ cho bà. Việc bà cho chị C vay có ký tên và biên nhận còn việc chị C cho chị L vay bà không biết và không đồng ý với ý kiến của anh T2.

- *Bị đơn chị Võ Mộng C trình bày:*

Chị thừa nhận có vay của bà Đ số tiền tổng cộng là 900.000.000 đồng và ký tên vào biên nhận mà bà Đ đã cung cấp cho Tòa án. Khi vay, hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 6%/tháng, trả lãi hàng tháng, không thỏa thuận thời hạn trả vốn gốc. Chị đã trả lãi được 03 tháng tiền lãi thì không có khả năng trả lãi nữa nên ngưng luôn cho đến nay.

Nay chị xác định còn nợ bà Đ số tiền là 900.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng đến khi hết số tiền còn nợ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ *Chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày:*

Chị không nhớ rõ thời gian nhưng khoảng tháng giêng năm 2018 âm lịch, do không có tiền để lo chi phí để chạy ghe đánh cá nên chị có nhờ chị C mượn tiền để xoay sở công việc. Khoảng tháng 3 năm 2018 (âm lịch), chị C có cho chị mượn số tiền là 300.000.000 đồng, đến tháng 4 năm 2018 (âm lịch), chị C cho chị mượn tiếp số tiền là 300.000.000 đồng, đến tháng 6 năm 2018 (âm lịch) chị C cho chị mượn số tiền là 300.000.000 đồng, cả 03 lần mượn đều không làm biên nhận. Tổng cộng là

900.000.000 đồng, trả lãi 6%/tháng, không hạn ngày trả vốn gốc, không ai chứng kiến, về nguồn tiền thì chị biết chị C mượn của bà Lê Thị Đ. Hàng tháng chị trả tiền lãi cho chị C, chị C trả lại cho bà Đ vì mỗi lần chị C mượn tiền và trả tiền lãi chị đều chở chị C đi đến nhà bà Đ, sau đó thì chị lánh mặt chỗ khác nên chị biết chị C trả nợ cho Đ.

Đến ngày 06/7/2018, chị C có kêu chị viết biên nhận về số tiền mà chị vay của chị C để làm tin, chữ viết trong biên nhận là của chị viết, ký tên, ghi họ tên mà đại diện ủy quyền của chị C đã nộp cho Tòa án. Chị là người không trực tiếp nhận tiền của bà Đ mà nhận tiền từ chị C. Nay bà Đ kiện chị C yêu cầu trả số tiền 900.000.000 đồng, chị không có ý kiến, yêu cầu gì và xin vắng mặt đến khi vụ án được giải quyết xong.

+ Anh Phan Văn T2 trình bày:

Anh thường xuyên đi ghe biển vắng nhà nên vợ anh là chị Võ Mộng C đứng tên giúp chị Nguyễn Thị Hồng L vay bà Lê Thị Đ vào ngày 06/7/2018, với số tiền 900.000.000 đồng anh không hề hay biết đến đầu tháng 8/2019 anh mới nghe chị C nói bà Đ đang khởi kiện đòi chị C trả số tiền 900.000.000 đồng.

Nay anh yêu cầu Tòa án xem xét buộc chị L có nghĩa vụ trả nợ cho bà Đ vì chị C không vay mà thực chất là chị L.

+ Anh Võ Văn T1 trình bày:

Anh không có ý kiến, yêu cầu gì về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Lê Thị Đ và chị Võ Mộng C. Do giữa anh và chị C đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản cá nhân do chị C đứng tên, anh đã giao cho chị C số tiền là 600.000.000 đồng nhưng hiện nay quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản cá nhân đã bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong vụ án nên không thực hiện được thủ tục sang tên cho anh được.

Nay anh yêu cầu Tòa án hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với quyền sử dụng đất và tài sản cá nhân do chị C đứng tên để anh được đứng tên.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 243/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ.

Buộc chị Võ Mộng C phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Đ số tiền là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Thời gian thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 06/2019/QĐ-BPKCTT ngày 04/9/2019 và quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2019/QĐ-BPKCTT ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định pháp luật.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, bị đơn chị Võ Mộng C kháng cáo toàn bộ bản án phúc thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc chị Nguyễn Thị Hồng L có nghĩa vụ liên đới với chị trả cho bà Lê Thị Đ số tiền 900.000.000 đồng; xem xét cho chị được thực hiện nghĩa vụ làm nhiều lần và yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 06/2019/QĐ-BPKCTT ngày 04/9/2019 và Quyết định số: 08/2019/QĐ-BPKCTT ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện G.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Võ Mộng C có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị Nguyễn Thị Tuyết M – Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Lê Thị Đ có ý kiến không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của của bị đơn là không có căn cứ, nên đề nghị không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng L, anh Võ Văn T1, anh Phan Văn T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện, ngày 06/7/2018 chị Võ Mộng C có ký biên nhận vay của bà Lê Thị Đ số tiền là 900.000.000 đồng. (BL: 33,34); biên nhận vay tiền không thể hiện kỳ hạn và lãi suất.

Theo bà Đ, mặc dù biên nhận không thể hiện nhưng các bên thỏa thuận lãi 03%/tháng. Sau khi vay, chị C có trả cho bà Đ 03 tháng tiền lãi thì ngưng nên phát sinh tranh chấp. Chị C thừa nhận số tiền vốn vay, số tháng trả lãi như bà Đ trình bày nhưng cho rằng, lãi suất thỏa thuận là 06%/tháng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của chị C, nhận thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu đề nghị buộc chị Nguyễn Thị Hồng L có nghĩa vụ liên đới trả nợ: Xét lời trình bày của chị C cho rằng, chị L là người vay tiền của bà Đ nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và chị L, bà Đ không thừa nhận. Do đó, quyết định của bản án sơ thẩm buộc chị C có nghĩa vụ trả nợ vay cho bà Đ là có căn cứ, nên yêu cầu kháng cáo đề nghị buộc chị L cùng liên đới với chị thực hiện nghĩa vụ trả nợ là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu xin thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm nhiều lần: Xét yêu cầu kháng cáo của chị C xin trả số tiền nợ vay làm nhiều lần không được bà Đ thỏa thuận chấp nhận và không phù hợp với qui định của pháp luật, nên ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận là có căn cứ.

[3.3] Theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo trình tự, thủ tục riêng biệt; quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có hiệu lực thi hành ngay và không bị kháng cáo kháng nghị. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét yêu cầu kháng cáo của chị Cầm về việc đề nghị hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2019/QĐ-BPKCTT ngày 04/9/2019 và số 08/2019/QĐ-BPKCTT ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện G.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị C không được chấp nhận như đã nhận định, nên chị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 và khoản 2 Điều 282; khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Võ Mộng C; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 243/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ.

Buộc chị Võ Mộng C có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Đ số tiền là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà Lê Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Võ Mộng C còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 06/2019/QĐ-BPKCTT ngày 04/9/2019 và quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2019/QĐ-BPKCTT ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí:

Chị Võ Mộng C phải chịu 39.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ số tiền tạm ứng 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 47144 ngày 29/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp tiếp là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Tuấn